

c) Chi cho cán bộ, công chức được cử đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài, trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm được Chính phủ phê duyệt; trong giai đoạn trước mắt, do khả năng ngân sách còn hạn chế, cần thiết tập trung đào tạo - bồi dưỡng các kiến thức cơ bản cho đội ngũ cán bộ, công chức tại các trường trong nước, nếu có nhu cầu cần thiết đào tạo ngoài nước thì kinh phí đào tạo cán bộ ở nước ngoài do các cơ quan, đơn vị thu xếp trong kinh phí được bố trí hàng năm cho các Bộ, ngành, địa phương.

3. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức nhà nước:

- Hàng năm, căn cứ quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và các địa phương, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước thực hiện theo đúng Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 hướng dẫn việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

- Khoản kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước được hạch toán chi tiết theo từng mục, tiểu mục vào loại 14 khoản 11 của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Tổ chức thực hiện:

- Thông tư này thay thế Thông tư liên Bộ số 37/TT-LB ngày 22/4/1994 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ - Bộ Tài chính và có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

- Bộ trưởng các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, đoàn thể ở Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc

liên quan quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí này.

- Các cơ quan, đơn vị tổ chức các lớp học phải bảo đảm chi trong phạm vi kế hoạch được duyệt. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức kiểm tra việc triển khai và thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước của các đơn vị và phối hợp với Bộ Tài chính, Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố kiểm tra các khoản chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước của các đơn vị bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGÂN

QUYẾT ĐỊNH số 1672/1998/QĐ-BTC ngày 24/11/1998 về việc sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Điều 8 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 12 năm 1991;

Căn cứ các khung thuế suất thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị quyết số 537a/NQ-HĐNN8 ngày 22/2/1992 của Hội đồng Nhà nước; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 31-NQ/UBTVQH9 ngày 09/3/1993, Nghị quyết số 174-NQ/UBTVQH9

09662477

ngày 26/3/1994, Nghị quyết số 290 - NQ/UBTVQH9 ngày 07/9/1995, Nghị quyết số 293-NQ/UBTVQH9 ngày 08/11/1995, Nghị quyết số 416-NQ/UBTVQH9 ngày 5/8/1997 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 9;

Căn cứ thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quyết định số 280/TTg ngày 28/5/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu kèm theo Nghị định số 54/CP;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 4394/VPCP-KTQĐ ngày 29/10/1998 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu đối với thuốc kháng sinh Amoxicillin và Ampicilin dạng nguyên liệu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi và thay thế mức thuế suất thuế nhập khẩu của mặt hàng cụ thể quy định tại Danh mục sửa đổi, bổ sung Biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 1195/1998/QĐ-BTC ngày 12/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành thuế suất thuế nhập khẩu mới như sau:

- Mã số 2941.90.30: Ampicilline và các chất dẫn xuất của chúng, thuế suất thuế nhập khẩu 0% (không phân trăm).

- Mã số 3003.20.10: Chứa Amoxicilline, thuế suất thuế nhập khẩu 7% (bảy phần trăm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành và được áp dụng cho tất cả các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 1998./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 153/1998/TT-BTC ngày 26/11/1998 hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi).

Thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi) do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 16/4/1998 và Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/9/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi), Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ VÀ ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ

1. Mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, bao gồm: Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, hộ sản xuất kinh doanh, các tổ chức và cá nhân khác, không phân biệt ngành nghề, quy mô, hình thức hoạt động, có khai thác tài nguyên thiên nhiên theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam đều phải đăng ký, kê khai và nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh Thuế tài nguyên (sửa đổi), trừ các trường hợp nêu tại điểm 5, Mục I Thông tư này.

2. Tài nguyên thiên nhiên thuộc diện chịu thuế là các tài nguyên thiên nhiên trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:

a) Khoáng sản kim loại: Gồm khoáng sản kim loại đen (sắt, man gan, ti tan...) và khoáng sản kim loại màu (vàng, đất hiếm, bạch kim, thiếc, won fram, đồng, chì, kẽm, nhôm...);

b) Khoáng sản không kim loại, bao gồm: đất làm